

ĐỀ CHÍNH THỨC
(Đề có 2 trang)

Năm học: 2022-2023

Thời gian làm bài: 90 phút
(không kể thời gian phát đề)

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (3 điểm)

Câu 1: Tập hợp M các số tự nhiên lớn hơn hoặc bằng 7 và nhỏ hơn 12 được viết là:

A. $M = \{8; 9; 10; 11\}$

B. $M = \{7; 8; 9; 10; 11; 12\}$

C. $M = \{8; 9; 10; 11; 12\}$

D. $M = \{7; 8; 9; 10; 11\}$

Câu 2:

Hình bình hành ABCD có $AB = 8\text{cm}$ và $AD = 6\text{cm}$ thì chu vi của nó bằng :

A. 28cm

B. 24cm

C. 48cm

D. 14cm

Câu 3:

Dữ liệu thống kê từ biểu đồ tranh sau đây ghi lại số tivi bán được qua các năm của siêu thị máy tính B. ( = 100 TV;  = 50 TV)	Năm	Số tivi được bán
	2016	  
	2017	   
	2018	      
	2019	      
	2020	    

Số tivi bán được năm 2019 là:

A. 450

B. 350

C. 550

D. 700

Câu 4: Bảng điều tra về số khách hàng ăn các loại kem yêu thích của một tiệm A trong buổi sáng chủ nhật được ghi dưới đây.

Loại kem	Kiểm đến	Số lượng khách
Dâu		6
Sầu riêng		12
Socola		8
Va ni		4

Có bao nhiêu khách hàng ăn kem sầu riêng và vani?

A. 16

B. 4

C. 12

D. 30

Câu 5: Tìm giá trị của x thỏa mãn $x + 18 = -9$

A. $x = 27$

B. $x = -27$

C. $x = -13$

D. $x = 37$

Câu 6: Giá trị của biểu thức $(-3)^2 \cdot 5 - 10 : (-2)$

A. 40

B. -40

C. -50

D. 50

Câu 7: Cho hình bình hành MNPQ có O là giao điểm của hai đường chéo biết $MN = 6\text{cm}$, $MQ = 4\text{cm}$. Tính độ dài của PQ và NP.

A. $PQ = 4\text{cm}$, $NP = 6\text{cm}$

B. $PQ = 5\text{cm}$, $NP = 5\text{cm}$

C. $PQ = 10\text{cm}$, $NP = 6\text{cm}$

D. $PQ = 6\text{cm}$, $NP = 4\text{cm}$

Câu 8:

Hình thoi có độ dài hai đường chéo là 8cm và 6cm thì diện tích của nó là:

A. 14cm^2

B. 24cm^2

C. 48cm^2

D. 12cm^2

Câu 9: Kết quả của bài toán : $5 + 2^3 - 2^2 \cdot 3$

A. 13

B. 27

C. 1

D. 8

Câu 10: BCNN(20; 30) là :

A. 10

B. 60

C. 6

D. 120

Câu 11: ƯCLN (18, 60) là :

A. 36

B. 6

C. 12

D. 30

Câu 12: Kết quả của phép tính $(-12):3 + (-6).(-9)$ là?

A. 50

B. 58

C. - 50

D. - 58

B. PHẦN TỰ LUẬN (7 điểm)

Bài 1: (1 điểm)

a/ Thực hiện phép tính : $A = 24:(-2) - 70 + 2^3$

b/ Tính hợp lí: $B = 43 \cdot 126 - 43 \cdot 27 + 43$

c/ Thực hiện phép tính : $C = 600 : \left\{ 2 \cdot \left[50 + (37 - 27)^2 \right] \right\}$

Bài 2: (1 điểm) Tìm x

a/ $2x + 31 = 17$

b/ $52 - 3.(x + 4) = 10$

c/ $13 + 3^{x+1} = 90 + 2^2$

Bài 3: (1 điểm) Các bạn lớp 6A cùng nhau đi ăn kem ở một quán gần trường. Nhân dịp quán mới khai trương nên có khuyến mãi, bắt đầu từ ly thứ 11 giá mỗi ly kem giảm 5 000 đồng so với giá ban đầu. Lớp 6A mua 30 ly kem với giá ban đầu là 25 000 đồng mỗi ly. Hỏi lớp 6A đã trả tất cả bao nhiêu tiền?

Bài 4: (1 điểm) Đội văn nghệ có 60 nam và 72 nữ về huyện để biểu diễn. Muốn phục vụ đồng thời tại nhiều địa điểm, đội dự định chia thành các tổ gồm cả nam và nữ, số nam được chia đều vào các tổ, số nữ cũng vậy. Hỏi có thể chia được nhiều nhất thành bao nhiêu tổ? Khi đó mỗi tổ có bao nhiêu nam, bao nhiêu nữ?

Bài 5: (1 điểm) Số học sinh khối 6 của một trường khoảng từ 300 đến 500 học sinh, khi xếp hàng 10, hàng 12, hàng 18 để chào cờ đều vừa đủ. Tính số học sinh khối 6 của trường?

Bài 6: (1 điểm) Cho hình chữ nhật có chiều rộng là 5cm . Chiều dài lớn hơn chiều rộng 2cm . Tính chu vi và diện tích hình chữ nhật đó.

Bài 7: (1 điểm) Bảng thống kê điểm môn Toán của học sinh lớp 6A như sau:

Điểm	10	9	8	7	6	5	4	3
Số học sinh	4	5	3	5	4	5	3	1

Hãy cho biết:

a) Lớp 6A có tất cả bao nhiêu học sinh?

b) Số học sinh có điểm dưới 5 là bao nhiêu?

HẾT.

Đáp án: TOÁN - LỚP 6

Câu 1	Câu 2	Câu 3	Câu 4	Câu 5	Câu 6
D	A	D	A	B	D

Câu 7	Câu 8	Câu 9	Câu 10	Câu 11	Câu 12
D	B	C	B	B	A

Tự luận

Bài	Nội dung	Tổng điểm
Bài 1 (1.0 điểm)	a/ $24:(-2) - 70 + 2^3 = -12 - 70 + 8 = -82 + 8 = -74$ b/ $B = 43 \cdot 126 - 43 \cdot 27 + 43 = 43 \cdot (126 - 27 + 1) = 4300$ c) $600 : \left\{ 2 \cdot \left[50 + (37 - 27)^2 \right] \right\} = 600 : \left\{ 2 \cdot [50 + 10^2] \right\}$ $= 600 : \left\{ 2 \cdot [50 + 100] \right\} = 600 : \{ 2 \cdot 150 \} = 600 : 300 = 2$	0.25x2 0.25 0.25
Bài 2 (2.0 điểm)	a) $2x + 31 = 17$ $2x = 17 - 31 ; 2x = -14$ $x = -14 : 2 ; x = -7$	a/ 0.5
	b) $52 - 3 \cdot (x + 4) = 10 \quad 3 \cdot (x + 4) = 52 - 10$ $3 \cdot (x + 4) = 42 \quad (x + 4) = 42 : 3$ $x + 4 = 14 \quad x = 14 - 4 \quad x = 10$	b/ 0.25
	c) $13 + 3^{x+1} = 90 + 2^2$ $13 + 3^{x+1} = 94$ $3^{x+1} = 94 - 13 \quad 3^{x+1} = 81 \quad 3^{x+1} = 3^4$ $x + 1 = 4 \quad x = 3$	c/ 0.25

Bài 3 (1.0 điểm)	Giá tiền 10 ly kem đầu : $10 \cdot 25\,000 = 250\,000$ đ Giá tiền 20 ly kem còn lại là: $20 \cdot 20\,000 = 400\,000$ đ Vậy tổng tiền : 650 000 đ	0.25 0.5 0.25
Bài 4 (1.0 điểm)	Gọi số tổ có thể chia được nhiều nhất là x tổ ($x \in \mathbb{N}^*$) Theo đề bài ta có : $60 : x$ và $72 : x$ và x nhiều nhất $\Rightarrow x \in \text{ƯCLN}(60 ; 72)$ Tìm đúng ƯCLN(60 ; 72) Trả lời đúng số tổ, số nam, số nữ	0.25 0.25 0,25 0,25
Bài 5 (1.0 điểm)	Gọi a là Số học sinh khối 6 cần tìm, $300 \leq a \leq 500$ Theo đề bài ta có: $a : 10 ; a : 12 ; a : 18$	0.25

	Do đó $a \in BC(10, 12, 18)$ $10 = 2.5$ $12 = 2^2.3$ $18 = 2.3^2$ $BCNN(10, 12, 18) = 2^2.3^2.5 = 180$ $a \in BC(10, 12, 18) = B(180)$ $\Rightarrow a \in \{0;.180;.360;.540...\}$ Vì $300 \leq a \leq 500$ $\Rightarrow a = 360$ Vậy: Số học sinh khối 6 là 360 học sinh	0.25 0,25 0,25																		
Bài 6 (1 điểm)	Chiều dài là $5 + 2 = 7$ Chu vi $(5 + 7).2 = 24\text{cm}$ Diện tích là $5.7 = 35\text{ cm}^2$	0.5đ 0.25đ 0.25đ																		
Bài 7 (1.0 điểm)																				
	<table><tr><td>Điểm</td><td>10</td><td>9</td><td>8</td><td>7</td><td>6</td><td>5</td><td>4</td><td>3</td></tr><tr><td>Số học sinh</td><td>4</td><td>5</td><td>3</td><td>5</td><td>4</td><td>5</td><td>3</td><td>1</td></tr></table> a) Số học sinh của lớp 6A là $4+5+3+5+4+5+3+1= 30$ (học sinh) b) Số học sinh có điểm dưới 5 là $3 +1 = 4$ (học sinh)	Điểm	10	9	8	7	6	5	4	3	Số học sinh	4	5	3	5	4	5	3	1	a/ 0,5 b/ 0,5
Điểm	10	9	8	7	6	5	4	3												
Số học sinh	4	5	3	5	4	5	3	1												